

T.P. Nam

Mã nhận dạng : 003158

Trang : 1/2

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

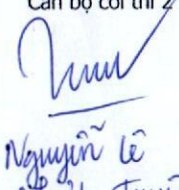
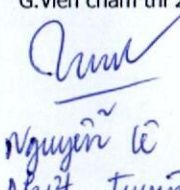
Môn học: **Thực tập PLC (228196) - Nhóm 01**

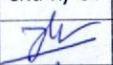
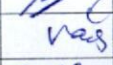
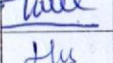
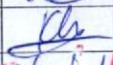
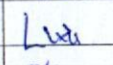
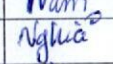
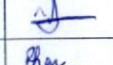
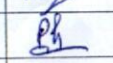
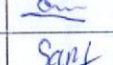
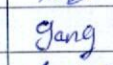
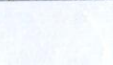
CBGD: **Đỗ Phương Nam (280005)**

Số SV có mặt: 24.....

Số bài thi: 24.....

Số tờ giấy thi: 24.....

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
			
Đỗ Phương Nam	Nguyễn Lê Nhật Tuyền	Đỗ Phương Nam	Nguyễn Lê Nhật Tuyền

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2119050003	PHẠM NGỌC HẢI	07/05/2001	CCQ1905A				6	6	6,0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
2	2119050004	NGUYỄN TRỌNG HIỆP	23/11/2001	CCQ1905A				6,0	6	6,0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
3	2119050005	HUỲNH ĐỨC HUY	03/12/2001	CCQ1905A				8,0	8,0	8,0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
4	2119050006	NGUYỄN ĐỨC HUY	21/02/2001	CCQ1905A						0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
5	2119050008	NGUYỄN THANH HUY	01/02/2001	CCQ1905A				6	6,0	6,0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
6	2119050010	VÕ VĂN HỮU	06/03/2001	CCQ1905A				6,2	6,3	6,3	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
7	2119050011	ĐẶNG LÊ KHA	04/08/2001	CCQ1905A				6,0	6,0	6,0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
8	2119050013	NGUYỄN HỒNG LĨNH	30/11/1999	CCQ1905A				7	9,0	8,2	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
9	2119050015	LƯƠNG TẤN LỰC	11/07/2001	CCQ1905A				4,5	4,5	4,5	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
10	2119050014	LÊ QUANG LƯU	23/10/2001	CCQ1905A				7	7	7,0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
11	2119050016	NGÔ ĐÌNH NAM	20/10/2001	CCQ1905A				7	6	6,4	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
12	2119050017	LÊ TRỌNG NGHĨA	21/01/2001	CCQ1905A				6	6,0	6,0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
13	2119050018	VÕ VĂN NHÂN	03/08/2001	CCQ1905A				6	6	6,0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
14	2119050020	NGUYỄN ĐẶNG PHONG	15/05/2000	CCQ1905A				6,3	6,3	6,3	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
15	2119050021	NGÔ HOÀNG PHÚC	25/10/2001	CCQ1905A				6	6	6,0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
16	2119050022	ĐẶNG MINH QUÂN	12/03/2001	CCQ1905A				6,5	6	6,2	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
17	2119050023	TRẦN NGUYỄN TẤN SANG	01/01/1999	CCQ1905A				7	7	7,0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
18	2119050024	TRẦN THANH SANG	16/12/2000	CCQ1905A				6	6	6,0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
19	2119050025	CAO HỮU TÀI	22/10/2001	CCQ1905A				6	8,3	7,4	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
20	2119050027	LÊ VĂN THẮNG	14/12/2000	CCQ1905A				6,3	6	6,0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: **Thực tập PLC (228196) - Nhóm 01**

CBGD: **Đỗ Phương Nam (280005)**

Số SV có mặt: 24
Số bài thi: 24
Số tờ giấy thi: 24

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
Đỗ Phương Nam	Nguyễn Lê Nhật Tuyền	Đỗ Phương Nam	Nguyễn Lê Nhật Tuyền

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2119050028	NGUYỄN VĂN THUẬN	10/02/2001	CCQ1905A				6	5,5	6,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	2119050029	NGUYỄN THANH BÌNH	03/04/2001	CCQ1905A						0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	2119050030	KIỀU VĂN TRỌNG	26/10/2001	CCQ1905A				6	7	6,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	2119050031	HUỲNH NHẬT TRƯỜNG	20/10/2001	CCQ1905A				6	6	6,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	2119050033	PHAN THANH TÙNG	29/05/2001	CCQ1905A				5,5	5,5	5,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	2119050034	DƯƠNG VĂN ÚT	05/12/2001	CCQ1905A				7	8	7,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: **Thực tập PLC (228196) - Nhóm 03**

CBGD: **Đỗ Phương Nam (280005)**

Số SV có mặt: 12

Số bài thi: 17

Số tờ giấy thi: 17

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
<i>Đỗ Phương Nam</i>	<i>Nguyễn Lê Nhật Tuyền</i>	<i>Đỗ Phương Nam</i>	<i>Nguyễn Lê Nhật Tuyền</i>

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Từ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2119050070	PHAN KIM TUẤN ANH	07/04/2001	CCQ1905C			<i>✓</i>				☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
2	2119050072	PHẠM QUỐC BẢO	20/09/2001	CCQ1905C			<i>Đỗ Phương Nam</i>	5,5	5,5	5,5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
3	2119050073	NGUYỄN DUY CƯỜNG	12/10/2001	CCQ1905C			<i>✓</i>				☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
4	2119050076	ĐỒNG THÀNH ĐẠO	01/01/2001	CCQ1905C			<i>✓</i>				☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
5	2119050078	NGUYỄN QUANG HIẾU	25/10/2001	CCQ1905C			<i>Đỗ Phương Nam</i>	7	5,5	6,1	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
6	2119050080	NGUYỄN TẤN HOÀNG	01/10/2001	CCQ1905C			<i>✓</i>				☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
7	2119050081	PHAN NGỌC HUY	05/12/1998	CCQ1905C			<i>Đỗ Phương Nam</i>	7	8,5	7,9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☒ 9
8	2119050085	TRẦN VĂN NGỌC LONG	11/08/2000	CCQ1905C			<i>Long</i>	7	6	6,4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
9	2119050086	NGUYỄN THÀNH LUẬN	20/02/2001	CCQ1905C			<i>✓</i>				☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
10	2119050087	NGUYỄN VĂN LỰC	03/08/2001	CCQ1905C			<i>Đỗ Phương Nam</i>	7	7,0	7,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
11	2119050092	HUỲNH HỮU PHƯỚC	14/04/2001	CCQ1905C			<i>Đỗ Phương Nam</i>	6,5	6,5	6,5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
12	2119050091	PHẠM NGỌC PHƯƠNG	19/10/2001	CCQ1905C			<i>Đỗ Phương Nam</i>	6,5	6,0	6,2	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
13	2119050093	KIỀU NGỌC QUANG	13/07/2001	CCQ1905C			<i>Đỗ Phương Nam</i>	7,0	7,0	7,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
14	2119050094	HUỲNH VĂN QUYẾT	10/11/1998	CCQ1905C			<i>Quyết</i>	7,0	7,0	7,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
15	2119050096	NGUYỄN NHÂN TÀI	14/10/2001	CCQ1905C			<i>Đỗ Phương Nam</i>	6,5	6,5	6,5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
16	2119050097	NGUYỄN TẤN TÀI	09/12/2001	CCQ1905C			<i>Đỗ Phương Nam</i>	6	6,0	6,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
17	2119050099	BÁO VĂN LỘC THỌ	04/01/2001	CCQ1905C			<i>Thọ</i>	7,3	7,2	7,2	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
18	2119050100	NGUYỄN MINH TIẾN	27/06/2001	CCQ1905C			<i>Đỗ Phương Nam</i>	7	7	7,0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
19	2119050101	ĐẶNG TRUNG TÍN	21/12/1998	CCQ1905C			<i>Đỗ Phương Nam</i>	6,5	6,5	6,5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
20	2119050102	SƯ MINH TỐT	22/09/1999	CCQ1905C			<i>Đỗ Phương Nam</i>	7	6,3	6,6	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: **Thực tập PLC (228196) - Nhóm 03**

CBGD: **Đỗ Phương Nam (280005)**

Số SV có mặt:
Số bài thi:
Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
<i>Đỗ Phương Nam</i>	<i>Nguyễn Lê Nhật Tuyền</i>	<i>Đỗ Phương Nam</i>	<i>Nguyễn Lê Nhật Tuyền</i>

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2119050103	LÊ QUỐC TỰ	27/09/2001	CCQ1905C			<i>Đỗ Phương Nam</i>	7,5	7,5	7,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	2119050104	LƯU TRƯỜNG TY	21/05/2001	CCQ1905C			<i>Đỗ Phương Nam</i>	6,4	6	6,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: **Thực tập PLC (228196) - Nhóm 05**

CBGD: **Đỗ Phương Nam (280005)**

Số SV có mặt: 12

Số bài thi: 12

Số tờ giấy thi: 12

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
<i>Đỗ Phương Nam</i>	<i>Nguyễn Lê Nhật Tuyền</i>	<i>Đỗ Phương Nam</i>	<i>Nguyễn Lê Nhật Tuyền</i>

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2120060069	PHẠM QUANG BÌNH	06/12/2002	CCQ2006B			✓				0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2120060002	NGUYỄN THÀNH CHUNG	01/07/2002	CCQ2006A			✓				0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2120060037	VÕ KHẮC DUY	09/10/2002	CCQ2006B			✓				0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2120170076	HUỖNH DUY ĐỨC	10/08/2002	CCQ2006B			<i>Đức</i>	6,0	6	6,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2120060064	NGUYỄN NHẬT HÀO	11/05/2002	CCQ2006A			<i>Hào</i>	6,8	6	6,3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2120050114	HỒ DUY KHÁNH	29/06/2002	CCQ2006B			✓				0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2119060015	THÁI THANH LIÊM	10/03/1999	CCQ1906A			✓				0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2118060018	VÕ VĂN HUỖNH LONG	13/09/2000	CCQ1806A			<i>Long</i>	8	8	8,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2120060044	LÊ SỸ LƯƠNG	04/01/2002	CCQ2006B			<i>Lương</i>	7,3	8	7,7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2120060057	LẠI KIM ANH MINH	28/04/2002	CCQ2006B			<i>Minh</i>	7,2	7,5	7,4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2120230001	TRẦN THANH NGÂN	22/06/2002	CCQ2006B			<i>Ngân</i>	6	6,0	6,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2120060045	TRƯƠNG VÕ HOÀNG PHÚC	24/08/2002	CCQ2006B			<i>Phúc</i>	7,2	8,5	8,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2118060029	ĐOÀN THẾ SƠN	27/04/2000	CCQ1806A			<i>Sơn</i>	5	5	5,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2120060019	NGUYỄN ĐỨC TÂM	29/03/2002	CCQ2006A			<i>Tâm</i>	5	5	5,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2120060050	TRẦN VĂN TÂM	07/04/2002	CCQ2006B			✓				0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2120170132	VÕ VĂN TÂM	22/03/2002	CCQ2006B			<i>Tâm</i>	6,0	6,0	6,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2120060051	LÊ BẢO THẮNG	03/07/2002	CCQ2006B			✓				0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2120060053	PHẠM HẠ VÂN THÙY	17/05/2001	CCQ2006B			<i>Thùy</i>	5	5	5,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2117060092	LÊ QUỐC VŨ	29/07/1999	CCQ1706B			<i>Vũ</i>	5	5	5,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: **Thực tập PLC (228196) - Nhóm 07**

CBGD: **Đỗ Phương Nam (280005)**

Số SV có mặt: 17

Số bài thi: 17

Số tờ giấy thi: 17

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
<i>Đỗ Phương Nam</i>	<i>Nguyễn Lê Nhật Tuyền</i>	<i>Đỗ Phương Nam</i>	<i>Nguyễn Lê Nhật Tuyền</i>

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2120060055	LÊ NGUYỄN HOÀNG ANH	07/05/2001	CCQ2006B			✓				0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2120060056	NGUYỄN TRỌNG ÂN	20/12/2002	CCQ2006B			<i>An</i>	7,5	8,5	8,1	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2120060038	LƯƠNG TIẾN ĐẠT	26/02/2002	CCQ2006B			<i>Đạt</i>	5,5	6	5,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2120060041	KHÊ VĂN HIỆP	14/04/2002	CCQ2006B			<i>Hiệp</i>	6,0	6	6,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2118050157	TRẦN VŨ MINH	07/11/1999	CCQ1805C			✓				0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2120060009	NGUYỄN THÁI HOÀNG	15/04/2002	CCQ2006A			<i>Hoàng</i>	6	6	6,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2120060043	ĐỒNG DUY HUYNH	11/03/2002	CCQ2006B			<i>Huỳnh</i>	5	5	5,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2120060012	LÊ QUANG KHANG	10/07/2002	CCQ2006A			<i>Khang</i>	6,5	7,3	7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2120060014	NGUYỄN TUẤN KIẾT	23/12/2002	CCQ2006A			<i>Kiệt</i>	5,5	5,5	5,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2120060015	NGUYỄN THANH NGHIỆP	26/10/2002	CCQ2006A			<i>Nghiep</i>	8	8,5	8,3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2120060016	BÙI VĂN NGUYỄN	16/01/2002	CCQ2006A			<i>Nguyen</i>	7,5	6,5	7,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2120060066	LÊ PHÚ QUÍ	10/10/2002	CCQ2006A			✓				0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2120060061	HỖ PHÚ QUYỀN	25/07/2002	CCQ2006B			<i>Quyên</i>	5	5,0	5,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2120060049	VÕ VĂN SỸ	16/09/2002	CCQ2006B			<i>Sỹ</i>	7,0	7,0	7,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2120060023	PHẠM ĐỨC THỐNG	18/10/2002	CCQ2006A			<i>Thống</i>	7,0	7,5	7,3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2120060027	NGUYỄN QUỐC TOÀN	25/01/2002	CCQ2006A			<i>Toàn</i>	6,7	6,0	6,3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2120060030	VÕ MINH TRÍ	15/09/2002	CCQ2006A			<i>Trí</i>	6,0	6	6,0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2120060031	ĐIỀU VĂN TRƯỜNG	25/09/2002	CCQ2006A			<i>Trường</i>	7	6,5	6,7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2118030192	PHẠM NHÂN VĂN	24/01/2000	CCQ1805C			<i>Văn</i>	7,2	7	7,1	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2120060034	NGUYỄN VĂN VƯƠNG	12/04/2002	CCQ2006A			<i>Vương</i>	6	8	7,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: **Thực tập PLC (228196) - Nhóm 01**

CBGD: **Đỗ Phương Nam (280005)**

Số SV có mặt: 17

Số bài thi: 17

Số tờ giấy thi: 17

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
<i>Đỗ Phương Nam</i>	<i>Nguyễn Lê Nhật Tuyền</i>	<i>Đỗ Phương Nam</i>	<i>Nguyễn Lê Nhật Tuyền</i>

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2120050002	ĐINH THÀNH	14/09/2002	CCQ2005A			<i>Đinh Thành</i>	6,3	6	6,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2120050004	HỒ HOÀNG	13/12/2002	CCQ2005A			<i>Hồ Hoàng</i>	7,6	8,5	8,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2120050005	BÙI TRỌNG	02/06/2002	CCQ2005A			<i>Bùi Trọng</i>	6	6	6,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2120050006	VÕ THANH	24/08/2002	CCQ2005A			<i>Võ Thanh</i>	7	7	7,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2120050007	TRẦN MẬU	01/09/2002	CCQ2005A			<i>Trần Mậu</i>	5	5,0	5,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2120050010	TRẦN TUẤN	03/02/2002	CCQ2005A			<i>Trần Tuấn</i>	7,5	7,5	7,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2120050009	NGUYỄN PHI	24/06/2002	CCQ2005A			<i>Nguyễn Phi</i>	8,0	7,5	7,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2120050011	ĐỖ TẤN	11/09/2002	CCQ2005A			<i>Đỗ Tấn</i>	6,5	6,5	6,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2120050012	HỒ NHỰT	17/12/2002	CCQ2005A			<i>Hồ Nhựt</i>	7	7	7,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2120050013	NGUYỄN VŨ	08/03/2002	CCQ2005A			<i>Nguyễn Vũ</i>	7	9	8,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2120050014	NGUYỄN DUY	05/12/2002	CCQ2005A			<i>Nguyễn Duy</i>	6,5	6,5	6,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2118050099	CHẾ LÊ	07/04/2000	CCQ1805B			<i>Chế Lê</i>				(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2120050016	TRẦN DUY	16/04/2002	CCQ2005A			<i>Trần Duy</i>	7	6,5	6,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2120050018	NGUYỄN HỒNG	10/01/2002	CCQ2005A			<i>Nguyễn Hồng</i>	7	6,5	6,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2120050019	TRƯƠNG CHÍ THANH	13/08/2001	CCQ2005A			<i>Trương Chí Thanh</i>				(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2120050020	TRẦN NGỌC	08/06/2002	CCQ2005A			<i>Trần Ngọc</i>	9	9	9,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2120050021	PHẠM	28/02/1998	CCQ2005A			<i>Phạm</i>				(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2120050023	HÀ THANH	10/08/2002	CCQ2005A			<i>Hà Thanh</i>	6,5	6,5	6,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2120050024	PHẠM NGUYỄN TIẾN	07/10/2002	CCQ2005A			<i>Phạm Nguyễn Tiến</i>	7	7	7,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2120050026	BÙI VĂN	05/01/2001	CCQ2005A			<i>Bùi Văn</i>	4	6,0	5,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

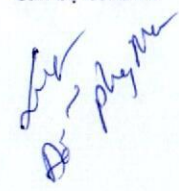
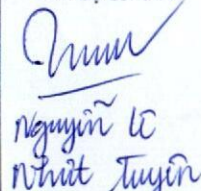
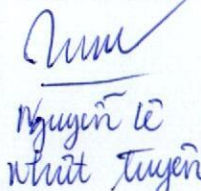
Môn học: **Thực tập PLC (228196) - Nhóm 02**

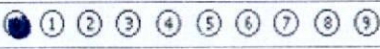
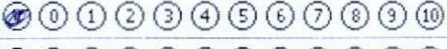
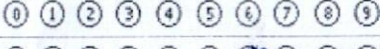
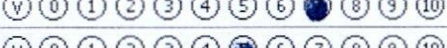
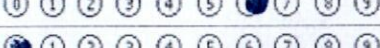
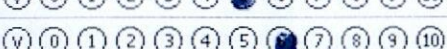
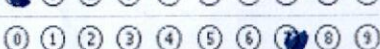
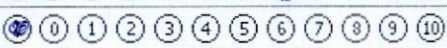
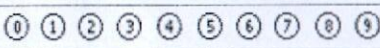
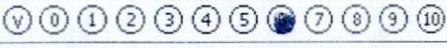
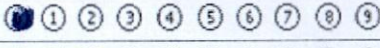
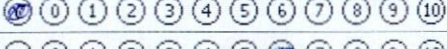
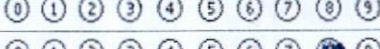
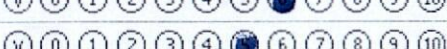
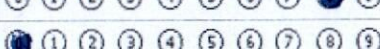
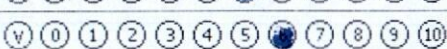
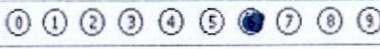
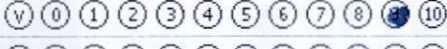
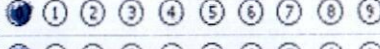
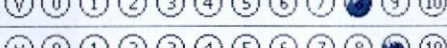
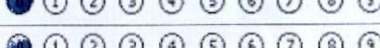
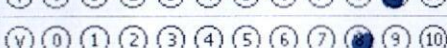
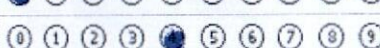
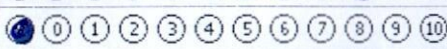
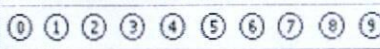
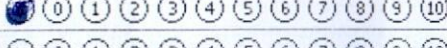
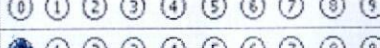
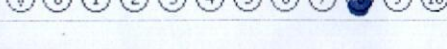
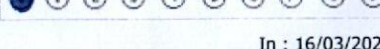
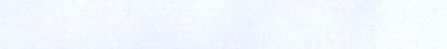
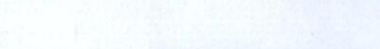
CBGD: **Đỗ Phương Nam (280005)**

Số SV có mặt: 15

Số bài thi: 15

Số tờ giấy thi: 15

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
	 Nguyễn Lê Nhật Tuyền		 Nguyễn Lê Nhật Tuyền

STT	Mã SV	Họ và Tên	DÂN	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Từ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2120050036	THÁI XUÂN	DÂN	16/12/2002	CCQ2005B				5	5	5,0		
2	2120050038	DƯƠNG THÀNH	ĐẠT	25/03/2002	CCQ2005B								
3	2120050039	NGUYỄN TIẾN	ĐẠT	15/10/2002	CCQ2005B				8	8	7,6		
4	2120050040	NGUYỄN ANH	ĐƯỢC	22/12/2002	CCQ2005B				5	5	5,0		
5	2120050041	NGUYỄN ĐÌNH	HOÀNG	05/02/2002	CCQ2005B				7	6,5	6,7		
6	2120050044	NGUYỄN MẠNH	HÙNG	10/02/2002	CCQ2005B								
7	2120050042	LÊ TRẦN QUANG	HUY	05/11/2002	CCQ2005B				6	6,0	6		
8	2120050130	ĐÀO TRẦN NGỌC	LÂM	20/11/2001	CCQ2005B								
9	2120050047	HUỖNH PHÚ	LÂM	01/03/2002	CCQ2005B				5	8	6,8		
10	2118050052	BÁ CAO	THÍNH	15/09/1999	CCQ1805A				5	5,0	5,0		
11	2120050128	NGUYỄN HOÀNG	TIẾN	11/04/2000	CCQ2005A				6,5	6,5	6,5		
12	2120050025	VÕ TẤN	TÀI	23/12/2002	CCQ2005A				7	8	7,6		
13	2120050027	BÙI VĂN DUY	TÂN	08/12/2002	CCQ2005A				9	9	9,0		
14	2120050029	NGUYỄN THIÊN	THÀNH	26/07/2000	CCQ2005A				8	8	8,0		
15	2120050028	NGUYỄN THẾ	TÂN	24/09/2001	CCQ2005A				8,0	9	9,0		
16	2120050030	LÊ VĂN	THỊNH	15/06/2000	CCQ2005A				7,5	8,0	8,4		
17	2120050031	TRẦN DIỆP	THUẬN	17/02/2002	CCQ2005A								
18	2120050032	LÊ THANH	TUẤN	03/07/2002	CCQ2005A				7	7,7	7,4		
19	2120050033	NGUYỄN LÊ HOÀI	VŨ	06/07/2002	CCQ2005A								
20	2120050034	CAO VĂN TUẤN	VŨ	16/12/2001	CCQ2005A				8	8	8,0		

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: **Thực tập PLC (228196) - Nhóm 03**

CBGD: **Đỗ Phương Nam (280005)**

Số SV có mặt: 17

Số bài thi: 17

Số tờ giấy thi: 17

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
<i>Đỗ Phương Nam</i>	<i>Nguyễn Lê Nhật Tuyền</i>	<i>Đỗ Phương Nam</i>	<i>Nguyễn Lê Nhật Tuyền</i>

STT	Mã SV	Họ và Tên	HIỆU	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2118050157	TRẦN VŨ MINH	HIỆU	07/11/1999	CCQ1805C			✓				0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2120050048	LÊ VĂN	LỢI	01/07/2002	CCQ2005B			<i>Lợi</i>	7,3	6	6,5	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2120050049	NGUYỄN TRUNG	NGUYỄN	09/09/2002	CCQ2005B			<i>Nguyễn Trung</i>	7	7	7,0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2120050050	BÙI VŨ BÁCH	NHA	20/02/2002	CCQ2005B			<i>Bách</i>	8,3	7	7,5	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2120050051	ĐÌNH VĂN	NHÂN	26/06/2002	CCQ2005B			<i>Đình Văn</i>	7,7	9	8,5	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2120050052	SƠN	NHI	22/11/2002	CCQ2005B			<i>Sơn</i>	4,5	5	4,8	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2120050053	NGUYỄN XUÂN	PHÚ	06/09/2001	CCQ2005B			<i>Phú</i>	4,5	5	4,8	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2120050054	TRƯƠNG BÌNH	PHƯỚC	18/05/2001	CCQ2005B			<i>Phước</i>	6	6	6,0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2120050056	TRẦN BÁ	QUỐC	26/09/2002	CCQ2005B			<i>Quốc</i>	5	5,0	5,0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2120050058	VŨ ĐỨC	TÀI	15/10/2001	CCQ2005B			<i>Tài</i>	7	6	6,4	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2120050059	BÁ HOÀNG	TÂN	29/09/2001	CCQ2005B			<i>Bá Hoàng</i>	5	7	6,2	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2120050060	HUỲNH HỮU	THÁI	02/06/2002	CCQ2005B			<i>Hữu</i>	4,5	5	4,8	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2120050061	NGUYỄN MINH	TI	25/07/2001	CCQ2005B			<i>Minh</i>	4,5	4,5	4,5	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2120050062	PHAN TRỌNG	TÍNH	22/05/2002	CCQ2005B			<i>Trọng</i>	5,0	5	5,0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2120050063	TÔ VĂN	TÍNH	27/06/2002	CCQ2005B			<i>Tính</i>	6	7	6,6	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2120050065	HUỲNH MINH	TRÍ	08/12/2002	CCQ2005B			<i>Trí</i>	3,4	5	4,6	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2120050067	TRẦN MINH	TÚ	10/08/2002	CCQ2005B			<i>Minh</i>	8	7	7,4	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2120050066	NGUYỄN NGỌC THANH	TÙNG	17/03/2002	CCQ2005B			<i>Thanh</i>	8	9	8,6	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2120050068	THIÊN NGỌC	VÂN	02/12/2002	CCQ2005B			✓				0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2120050069	NGUYỄN CHÍ	VIỄN	01/11/2002	CCQ2005B			✓				0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9